

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Thành;

Bà Trần Thị Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: số 02/17 khu phố B, phường L, thành phố Th, tỉnh B; địa chỉ cư trú hiện tại: Tầng 12, số 1, ngõ 139, phố Cửu Hùng, quận Lô Châu, thành phố Tân Bắc, Đài Loan; hộ chiếu số: E00012889 do Cục QLXNC cấp ngày 15/3/2023; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Công Th, sinh năm 1991; địa chỉ: số 02/17 khu phố B, phường L, thành phố Th, tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2025, đơn rút yêu cầu khởi kiện và bản tự khai đề ngày 31/3/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Lê Công Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Th, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2015, quyền số 01/2015 ngày 03/3/2015. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, dù nguyên đơn đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ năm 2023, nguyên đơn đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên cả hai mất đi sự kết nối, yêu thương,

chia sẻ và trở nên xa cách. Nhận thấy không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Th, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Th.
- Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông Th có 3 con chung gồm:

Cháu Lê Thùy Chi, sinh ngày 19/8/2015; giới tính: nữ;

Cháu Lê Hạnh Dung, sinh ngày 25/10/2019; giới tính: nữ;

Cháu Lê Tường Vy, sinh ngày 28/06/2021; giới tính: nữ.

Bà Nguyễn Thị Lan A yêu cầu giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung; không yêu cầu ông Lê Công Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 31/3/2025, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần con chung và bản tự khai cùng ngày (đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc)) với nội dung: các bên tự thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa ông Lê Công Th trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà A về việc kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A thì ông Th đồng ý ly hôn. Về con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A và ông Lê Công Th là hợp pháp. Khi bà A đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau; bị đơn ông Th bị tạm giam từ tháng 8/2024, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Xét thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A. Về con chung, các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần con chung. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Lan A khởi kiện ông Lê Công Th về việc ly hôn, nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, nuôi con”. bà A hiện đang cư trú tại Tầng 12, số 1, Ngõ 139, phố Cửu Hùng, quận Lô Châu, thành phố Tân Bắc, Đài Loan, bị đơn ông Lê Công Th, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: số 02/17 khu phố B, phường L, thành phố Th, tỉnh B hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương. Do đó, theo quy định tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình và các Điều 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bà A có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Lê Công Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Th, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2015, quyển số 01/2015 ngày 03/3/2015. Hôn nhân của bà A và ông Th là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, cả hai thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, hạnh phúc đổ vỡ. Bà A đã xuất khẩu lao động sang Đài Loan từ năm 2023, còn ông Lê Công Th ở Việt Nam nhưng cả hai không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai không còn liên lạc. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì quyền lợi chung của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông Th theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà A có đơn rút yêu cầu khởi kiện về con chung, do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A đối với bị đơn ông Lê Công Th về việc tranh chấp nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan A đối với ông Lê Công Th về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan A được ly hôn với ông Lê Công Th.

- Về con chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lan A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003594, ngày 10/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Công Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Lan A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.